

Số: 1750/SGDDĐT

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 10 năm 2017

V/v phê duyệt danh sách học sinh đề nghị được hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ.

Kính gửi: Các trường THPT Công lập.

Căn cứ Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn (gọi tắt là Nghị định 116);

Căn cứ Quyết định số 68/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 69/2017/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Phụ lục kèm theo Quyết định 68/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Để có cơ sở trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách các đối tượng học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ, Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị thực hiện các nội dung sau:

1. Đối tượng phê duyệt và điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ:

Các đơn vị căn cứ đối tượng quy định tại Nghị định 116; Công văn hướng dẫn số 25/SGDDĐT-KHTC ngày 06/01/2017; Quyết định 68/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh; Quyết định số 69/2017/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung Phụ lục kèm theo 68/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh và các văn bản hiện hành để xét duyệt danh sách học sinh được hưởng chính sách theo Nghị định 116 năm học 2017-2018 gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt để làm cơ sở thực hiện.

2. Hồ sơ trình phê duyệt:

Theo quy định tại Khoản 5, Điều 6, Nghị định 116, hồ sơ gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt gồm:



a) Tờ trình, trong đó nêu rõ:

1. Tổng số học sinh đủ điều kiện được xét duyệt:.....

Trong đó:

+ Tổng số học sinh đề nghị hỗ trợ tiền ăn và gạo:.....

+ Tổng số học sinh đề nghị hỗ trợ tiền nhà ở:.....

(có danh sách cụ thể kèm theo).

2. Nhu cầu kinh phí, gạo cần được hỗ trợ trong năm học 2017-2018:

a) Tổng kinh phí:.....đồng

+ Kinh phí hỗ trợ tiền ăn:.....đồng

+ Kinh phí hỗ trợ tiền Nhà ở:.....đồng

b) Số lượng gạo cần hỗ trợ:.....kg

b) Dự toán đề nghị hỗ trợ kinh phí và hỗ trợ gạo (theo mẫu số 1);

c) Danh sách học sinh bán trú thuộc diện được hỗ trợ theo quy định tại Nghị định 116 ă, ở bán trú tại trường (theo mẫu số 2);

d) Danh sách học sinh bán trú phải tự lo chỗ ở (theo mẫu số 3).

3. Thời gian gửi về Sở; trước ngày **15/10/2017**; đồng thời gửi qua mail: kimducsgd@gmail.com để tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt.

Yêu cầu Hiệu trưởng các trường chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện kịp thời./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KHTC(ttkd).



GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Phú

SỞ GD-ĐT QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG

Mẫu số 1

TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ TIỀN ĂN, NHÀ Ở VÀ GẠO THEO NGHỊ ĐỊNH 116 /NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ
NĂM HỌC 2017-2018

(Kèm theo Tờ trình số /TTTr..... ngày tháng năm 2017 của Sở GDĐT Quảng Ngãi)

TT	Đơn vị	Tổng Số học sinh được hưởng năm học 2015-2016	Tiền ăn			Tiền ở			Kinh phí phục vụ nấu ăn	Tổng số tiền (đồng)	Tổng gạo cần hỗ trợ (kg)	Ghi chú (HS Bán trú trong trường)	
			Học sinh	Mức hỗ trợ/tháng (40%*1300000đ)	Số tháng	Số tiền	Học sinh	Mức hỗ trợ/tháng					Số tháng
I	Trường THPT..... (Tổng cộng (1 + 2))												
1	Bậc THCS	0		520.000	9					130.000	9	-	0
2	Bậc THPT	0		520.000	9					130.000	9	-	0

Hiệu trưởng

Người lập

**DANH SÁCH HỌC SINH BÁN TRÚ Ở TRONG TRƯỜNG ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH
HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ NĂM HỌC 2017-2018**

(Kèm theo Tờ Trình số: /..... ngày / /2017 của)

TT	HỌ VÀ TÊN	Nữ (x)	Năm sinh	Học lớp	Điều kiện được hưởng			Ghi Chú	
					Dân tộc	Thôn đặc biệt khó khăn	Nhà ở cách xa trường trên 10km		Nhà ở vùng sạt lở- nguy hiểm
I. TRƯỜNG THPT BA TƠ (35 học sinh)									
1	Phạm Thị Hào	x	03/11/2002	10A2	Hre	Thôn-Làng Xi- Ba Tô -Ba Tô	x		
2	Phạm Thị Khô	x	20/6/2002	10A2	Hre	Thôn-Nước Lô-Ba Giang -Ba Tô	x		
3	Phạm Quang Hào		01/01/2002	10A...	Hre	Thôn-Làng Riêu-Ba Điền -Ba Tô	x		
4	Phạm Văn Ý		28/01/2001	11A1	Hre	Thôn-Hy Long-Ba Điền -Ba Tô	x		
5	Phạm Văn Vinh		01/01/2001	11A...	Hre	Thôn-Nước Đàng-Ba Trang -Ba Tô		x	
6	Phạm Văn Lam		01/01/2000	12A1	Hre	Thôn-Nước Đàng-Ba Trang -Ba Tô	x		
7	Nguyễn Văn Địa		18/4/2000	12A...	Kinh	Thôn-Nước Nê-Ba Vinh -Ba Tô	x		x
								

Hiệu Trường

Người lập

SỞ GD-ĐT QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG

**DANH SÁCH HỌC SINH BÁN TRÚ PHẢI TỰ LO CHỖ Ở ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH
HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ NĂM HỌC 2017-2018**

(Kèm theo Tờ Trình số: /..... ngày / /2017 củai)

TT	HỌ VÀ TÊN	Nữ (x)	Năm sinh	Học lớp	Điều kiện được hưởng				Ghi Chú	
					Dân tộc	Thôn đặc biệt khó khăn	Nhà ở cách xa trường trên 10km	Nhà ở vùng sạt lở- nguy hiểm		Con hộ nghèo
I. TRƯỜNG THPT BÌNH SƠN (11 học sinh)										
1	Phạm Thị Hào	x	03/11/2002	10A2	Hre	Thôn-Làng Xi- Ba Tô -Ba Tô	x			
2	Phạm Thị Khô	x	20/6/2002	10A2	Hre	Thôn-Nước Lô-Ba Giang -Ba Tô	x			
3	Phạm Quảng Hào		01/01/2002	10A,,,	Hre	Thôn-Làng Riêu-Ba Điền -Ba Tô	x			
4	Phạm Văn Ý		28/01/2001	11A1	Hre	Thôn-Hy Long-Ba Điền -Ba Tô	x			
5	Phạm Văn Vinh		01/01/2001	11A,,,	Hre	Thôn-Nước Đàng-Ba Trang -Ba Tô		x		
6	Phạm Văn Lam		01/01/2000	12A1	Hre	Thôn-Nước Đàng-Ba Trang -Ba Tô	x			
7	Nguyễn Văn Đạ		18/4/2000	12A...	Kinh	Thôn-Nước Nê-Ba Vinh -Ba Tô	x		x	

Hiệu Trưởng

Người lập